TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thập và bà Bùi Thị Thuý.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Đội x, thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tr, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu: Đội x, thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1944; trú tại: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Ông Hoàng Kim M, sinh năm 1959; trú tại: Thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Đ trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/6/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với mẹ anh tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do quan điểm bất đồng, cách sống không hòa hợp, mỗi người có cách làm kinh tế riêng, chi tiêu riêng. Anh đã góp ý, nói chuyện với chị Tr, mong muốn vợ chồng hòa hợp, tập trung phát triển kinh tế cùng nhau tạo dựng cho gia đình riêng nhưng chị Tr không hoàn toàn chung sức chung lòng với anh mà còn tạo lập vốn riêng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hơn nữa giữa mẹ anh và chị Tr không hoà thuận nên mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu ngày càng căng thẳng. Tháng 10 năm 2018 vợ chồng lại xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau, chị Tr đã về nhà bố đẻ ở và anh Đ đã khởi kiện xin ly hôn chị Tr. Sau đó được Toà án và mọi người phân tích, động viên anh đã rút đơn khởi kiện và đến nhà bố chị Tr gặp gỡ, nói chuyện để chị Tr về sống chung với anh thì giữa anh và gia đình chị Tr lại xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh tiếp tục khởi kiện xin ly hôn chị Tr.

Về con chung: Anh chị có hai con là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 25/3/2012 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 07/11/2015. Hiện cả hai con đang ở cùng với anh. Anh đề nghị được nuôi cháu T1 và để chị Tr nuôi cháu U nhưng chị Tr xác định chị không có điều kiện nuôi con nên anh nhất trí nuôi cả hai con và yêu cầu chị Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng để anh bớt khó khăn về kinh tế vì hiện anh đang làm nghề buôn bán hoa quả, mức thu nhập hàng tháng chỉ khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà bị đơn là chị Hoàng Thị Tr trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như anh Đ trình bày. Chị xác định trong quá trình chung sống với anh Đ và gia đình chồng, giữa anh chị cũng xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ. Năm 2016, vợ chồng chị được mẹ anh Đ đồng ý cho làm nhà, đến đầu năm 2017 thì xây nhà xong. Năm 2018, anh Đ bảo chị góp tiền tiết kiệm, vay tiền của mọi người để mua xe ô tô cho anh làm ăn kinh doanh, buôn bán nhưng chị không đồng ý vì thời điểm đó vợ chồng mới vay tiền để làm nhà chưa trả được ai, các con còn nhỏ, kinh tế gia đình còn khó khăn. Anh Đ đã có lời nói xúc phạm chị, đánh chị. Khi phản đối không được, chị phải đi vay tiền cho anh Đ mua xe ô tô. Nhưng cũng từ khi mua xe ô tô vào đầu năm 2018, giữa chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm, suy nghĩ, cách làm ăn kinh tế của anh chị không thống nhất. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, anh Đ đánh chị nhiều lần. Tháng 10 năm 2018 anh Đ đã khởi kiện xin ly hôn chị. Đến ngày 15/10/2018 anh Đ đánh, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã cho con về nhà bố đẻ của chị ở xã H, huyện G. Ngày 17/10/2018, anh Đ đã rút đơn khởi kiện nhưng anh chị không về đoàn tụ mà vẫn sống ly thân cho đến nay. Chị thừa nhận anh chị không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh Đ khởi kiện xin ly hôn chị, chị không nhất trí và xác định chỉ

nhất trí ly hôn khi vợ chồng phân chia xong tài sản chung tuy nhiên tại phiên toà, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị nhất trí ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con đúng như anh Đ đã trình bày. Tháng 10/2018, chị đã đưa cháu U về nhà ngoại ở nhưng đến đầu năm 2019, anh Đ đến đón cháu U về ăn Tết và không cho chị đón con về nữa. Từ đó hai cháu đều sống cùng anh Đ và bà nội của hai cháu tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị anh Đ tiếp tục nuôi cả hai con, chị không cấp dưỡng, đóng góp tiền nuôi con vì hoàn cảnh của chị hiện rất khó khăn, không có khả năng và điều kiện nuôi con, mức thu nhập của chị không ổn định, chỉ khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ngày 11/6/2019, chị có yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng vì hoàn cảnh hiện tại chị chưa có đủ tiền để nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung, nợ chung nên chị vẫn chưa nộp được số tiền tạm ứng án phí mà Toà án đã thông báo cho chị.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã T, huyện G cung cấp: Chị Tr và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định từ năm 2011. Thời gian chung sống, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế dẫn đến xảy ra xô xát, đánh cãi, chửi nhau; mối quan hệ giữa chị Tr với mẹ chồng là bà Ch cũng xảy ra bất hoà. Cuối năm 2018, đầu năm 2019, hội phụ nữ xã cũng đã tác động hoà giải cho chị với anh Đ và bà Ch nhưng chị không hợp tác, khi đó chị đã về sống ở nhà bố đẻ ở xã H, huyện G, vợ chồng không còn sống cùng nhau. Nay anh Đ xin ly hôn chị Tr, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Địa phương xác định anh chị có hai con. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với anh Đ và bà Ch. Hằng ngày bà Ch giúp anh Đ chăm sóc các cháu, đưa đón các cháu đi học, hiện các cháu đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị Chát là mẹ đẻ của anh Đạt trình bày: Vợ chồng anh Đ, chị Tr thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau, bà đã can ngăn, khuyên giải nhiều nhưng không thấy cải thiện, chị Tr đã về nhà ngoại ở từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay anh Đ xin ly hôn chị Tr bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà xác định anh chị có hai con chung, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh Đ và hàng ngày bà vẫn giúp anh Đ chăm sóc các cháu, đưa đón các cháu đi học, hiện các cháu đều phát triển tốt, đi học đều đặn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị mỗi người nuôi một con để hai bên đỡ vất vả trong cuộc sống.

Tại lời khai của ông Hoàng Kim M là bố đẻ của chị Tr và tại phiên toà ông M trình bày: Giữa anh Đ và chị Tr có mâu thuẫn, luôn xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau, ông đã khuyên nhủ, dạy dỗ cả hai nhiều lần nhưng anh chị vẫn luôn xô xát, cãi chửi nhau. Chị Tr đã về nhà ông ở khoảng 4 đến 5 lần, lần gần nhất là từ tháng 10 năm 2018 và ở hẳn tại nhà ông từ đó cho đến nay. Ông xác định anh chị có hai con chung, các cháu đang sống cùng với anh Đ, hiện chị Tr đang sống nhờ ở nhà ông, nhà cửa chật chội, hoàn cảnh của chị Tr khó khăn

hiện không có khả năng để nuôi con, ông còn bận đi làm, sức khoẻ yếu không ổn định nên ông không giúp được chị Tr trong việc chăm sóc các cháu và ông đề nghị Toà án giải quyết vụ việc của anh chị theo quy định của pháp luật.

Tại Chứng nhận thanh toán lương tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2019 của Công ty may xuất khẩu SSV do chị Tr nộp cho Toà án xác định chị Hoàng Thị Tr có mức thu nhập từ 5.200.000 đồng đến 5.700.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Đ. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến Đ ly hôn chị Hoàng Thị Tr. Về con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức 1.000.000 đồng/con/tháng. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn; chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Nguyễn Tiến Đ khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Hoàng Thị Tr, trú tại thôn P, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/6/2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn kinh tế nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Anh chị đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn chị Tr. Chị Tr xác định vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn anh Đ. Điều đó chính tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh ly hôn chị Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị Tr có hai con là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 25/3/2012 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 07/11/2015. Hiện anh Đ đang nuôi cả hai con. Cháu T1 đã đủ 7 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh Đ, chị Tr đang làm công nhân có mức thu nhập hàng tháng ổn định từ 5.200.000 đồng đến 5.700.000 đồng nhưng chị xác định không có điều kiện nuôi con trong khi anh Đ nhất trí nuôi cả hai con nên cần giao cả hai con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và buộc chị Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng như yêu cầu của anh Đ là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng khi ly hôn, Toà án đã Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn và giao cho chị Tr vào ngày 18/6/2019 nhưng hết thời hạn ghi trong thông báo, chị Tr vẫn không nộp cho Toà án biên lai thu tiền tạm ứng án phí; ngày 28/6/2019, Toà án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện gửi cho chị Tr. Chị Tr xác định chị chưa có đủ tiền nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn. HĐXX thấy chị Tr đã từ bỏ yêu cầu này và Toà án không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị Tr là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Tiến Đ ly hôn chị Hoàng Thị Tr.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 25/3/2012 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 07/11/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Tr chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng cho con thì chị Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0003618 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị Hoàng Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã T, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Đình Thi